

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN IA GRAI
TỈNH GIA LAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 25/2017/HS-ST
Ngày: 29/6/2017

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN IA GRAI, TỈNH GIA LAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Văn Đính;

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Nguyễn Thị Lan;
2. Bà Nguyễn Thị Mỹ.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Thái Nam - Thư ký Tòa án.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ia Grai tham gia phiên tòa: Ông Phan Sỹ Hào - Kiểm sát viên.

Trong ngày 29/6/2017, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Ia Grai, tỉnh Gia Lai, Tòa án nhân dân huyện Ia Grai, tỉnh Gia Lai xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số: 17/2017/HSST, ngày 17 tháng 5 năm 2017 đối với các bị cáo:

1. Lê Văn D; Sinh năm: 1978, tại Kỳ Anh, Hà Tĩnh;

NĐKHKT và chỗ ở trước khi phạm tội: Thôn M, xã K, huyện G, tỉnh Gia Lai; Nghề nghiệp: Làm nông; Giới tính: Nam; Dân tộc: Kinh; Quốc tịch: Việt Nam; Tôn giáo: Không; Trình độ học vấn: 4/12; Con ông Lê Văn M và bà Trần Thị X; Bị cáo có vợ tên là Nguyễn Thị T và 04 con, con lớn nhất sinh năm 2004, con nhỏ nhất sinh năm 2011; Tiền sự: Không; Tiền án: Ngày 08/02/2007 bị Tòa án nhân dân huyện G xử phạt 12 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”, đến ngày 29/8/2007 chấp hành xong hình phạt, ngày 04/11/2016 mới chấp hành xong toàn bộ Bản án, chưa được xóa án tích; Bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 02/11/2016 đến nay, có mặt tại phiên tòa.

2. Hà Văn H; Sinh ngày 29/9/1982, tại Tây Sơn, Phú Thọ;

NĐKHKT và chỗ ở trước khi phạm tội: Thôn N, xã K, huyện G, tỉnh Gia Lai; Nghề nghiệp: Làm nông; Giới tính: Nam; Dân tộc: Mường; Quốc tịch: Việt Nam; Tôn giáo: Không; Trình độ học vấn: 9/12; Con ông Hà Văn C và bà Hà Thị D (Đã chết); Bị cáo có vợ tên là Nguyễn Thị H và 01 con, sinh năm 2012; Tiền án, tiền sự: Không; Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn “Cấm đi khỏi nơi cư trú”, có mặt tại phiên tòa.

3. Dương Văn T; Sinh năm: 1990, tại Gia Lai;

NĐKHKT và chỗ ở trước khi phạm tội: Thôn M, xã K, huyện G, tỉnh Gia Lai; Nghề nghiệp: Làm nông; Giới tính: Nam; Dân tộc: Kinh; Quốc tịch: Việt Nam;

Tôn giáo: Không; Trình độ học vấn: 7/12; Con ông Nguyễn Văn H (Đã chết) và bà Dương Thị B; Bị cáo có vợ tên là Nguyễn Thị A và 02 con, lớn sinh năm 2013, nhỏ sinh năm 2017; Tiền án, tiền sự: Không; Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn “Cấm đi khỏi nơi cư trú”, có mặt tại phiên tòa.

- Người bị hại:

1. Ông Ksor T; Sinh năm: 1976; Có mặt.
Trú tại: Làng L, xã M, huyện G, tỉnh Gia Lai.
2. Bà Rơ Mah P; Sinh năm: 1972; Vắng mặt.
Trú tại: Làng L, xã M, huyện G, tỉnh Gia Lai.
3. Anh Siu T; Sinh năm: 1984; Có mặt.
Trú tại: Làng D, xã N, huyện G, tỉnh Gia Lai.
4. Bà Rơ Châm P; Sinh năm: 1976; Có mặt.
Trú tại: Làng D, xã N, huyện G, tỉnh Gia Lai.
5. Ông Ksor P; Sinh năm: 1972; Có mặt.
Trú tại: Làng D, xã N, huyện G, tỉnh Gia Lai.
6. Ông Rơ Lan H; Sinh năm: 1979; Có mặt.
Trú tại: Làng D, xã N, huyện G, tỉnh Gia Lai.
7. Chị Ksor N; Sinh năm: 1986; Có mặt.
Trú tại: Làng D, xã N, huyện G, tỉnh Gia Lai.
8. Ông Siu S; Sinh năm: 1978; Có mặt.
Trú tại: Làng D, xã N, huyện G, tỉnh Gia Lai.
9. Chị Ksor B; Sinh năm: 1993; Có mặt.
Trú tại: Làng D, xã N, huyện G, tỉnh Gia Lai.
10. Bà Rơ Châm B; Sinh năm: 1947; Vắng mặt.
Trú tại: Làng T, xã O, huyện G, tỉnh Gia Lai.
11. Anh Rơ Mah Uyn; Sinh năm: 1988; Có mặt.
Trú tại: Làng D, xã P, huyện G, tỉnh Gia Lai.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Anh Trần Ngọc T; Sinh năm: 1979; Vắng mặt.
Trú tại: Làng D, xã K, huyện G, tỉnh Gia Lai;
2. Chị Nguyễn Thị T; Sinh năm: 1984; Có mặt.
Trú tại: Thôn M, xã K, huyện G, tỉnh Gia Lai;
3. Anh Phạm Công T; Sinh năm: 1977; Có mặt.
Trú tại: Thôn M, xã K, huyện G, tỉnh Gia Lai;
4. Anh Lưu Trung K; Sinh năm: 1983; Có mặt.
Trú tại: Thôn M, xã K, huyện G, tỉnh Gia Lai;
5. Anh Nguyễn Văn V; Sinh năm: 1982; Có mặt.
Trú tại: Thôn M, xã K, huyện G, tỉnh Gia Lai;

- Người làm chứng:

1. Chị Nguyễn Thị H; Sinh năm: 1994; Có mặt.
Trú tại: Thôn N, xã K, huyện G, tỉnh Gia Lai;

2. Chị Nguyễn Thị Ánh; Sinh năm: 1992; Có mặt.
 Trú tại: Thôn M, xã K, huyện G, tỉnh Gia Lai;
 - *Người phiên dịch tiếng Jrai*: Ông Puih Diên – Nơi công tác: Công an huyện Ia Grai. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Qua các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và quá trình xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Rạng sáng ngày 01/11/2016, Nguyễn Mạnh T gọi điện thoại rủ Lê Văn D đi bắt trộm lợn (Heo) của người dân để bán lấy tiền tiêu xài, D đồng ý. Đến khoảng 04 giờ, T điều khiển xe mô tô của D hiệu Yamaha Sirius, biển kiểm soát 81R1 – 089.82 chở D đến khu vực làng D, xã Ia N, huyện G, tỉnh Gia Lai bắt trộm của anh Siu T có 01 con heo cái, màu trắng sữa, đầu có đốm đen, nặng 80kg bỏ vào bao tải để chở về nhà. Khi cả hai về đến đoạn đường thuộc thôn N, xã K, huyện G thì bị tổ tuần tra của Công an xã K phát hiện nên đã ném bao đựng heo và bỏ chạy. Qua xác minh, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện G đã bắt giữ D, còn T bỏ trốn. Hội đồng định giá tài sản đã kết luận con heo trên có giá trị là 3.360.000 đồng.

Bị cáo D còn khai nhận trong thời gian từ tháng 9, tháng 10 đến tháng 11 năm 2016, D đã cùng T đi trộm cắp 15 con heo khác, bằng cách thức sử dụng chiếc xe mô tô của D để đi lại tìm heo của người địa phương thả rông, sử dụng kích điện (Súng điện) tự chế bắn cho con heo ngất xỉu rồi dùng băng keo đen trói chân và miệng lại rồi bỏ vào bao tải mang đi tiêu thụ, cụ thể như sau:

Vụ thứ nhất: Vào khoảng cuối tháng 9/2016, T và D đến khu vực làng D, xã Ia N, huyện G bắt trộm của chị Ksor N 01 con heo cái màu trắng, lưng màu đen, đang có chữa, nặng 60kg. Trước đó Hà Văn H có hứa hẹn trước nếu D trộm cắp được heo thì mang bán cho H để làm thịt ăn, do vậy D đã mang đến bán cho H được 2.400.000 đồng. Hội đồng định giá tài sản đã kết luận con heo trên có giá trị là 2.520.000 đồng.

Vụ thứ 2: Trong tháng 10/2016, T và D đến khu vực làng D, xã Ia N, huyện G bắt trộm của ông Rơ Lan H 01 con heo cái màu đen, trắng, nặng 50kg. Do thấy có người bật điện sáng, sợ bị phát hiện nên T và D đã vớt con heo lại. Gia đình ông H thấy heo bị chết nên đã làm thịt ăn. Hội đồng định giá tài sản đã kết luận con heo trên có giá trị là 2.100.000 đồng.

Vụ thứ 3: Khoảng cuối tháng 10/2016, T và D đến khu vực làng D, xã Ia N, huyện G bắt trộm của bà Siu S 01 con heo lưng màu đen, bụng màu trắng nặng, nặng 50kg. Sau khi trộm cắp, D bán cho Hà Văn H để làm thịt ăn được 2.000.000 đồng. Hội đồng định giá tài sản đã kết luận con heo trên có giá trị là 2.100.000 đồng.

Vụ thứ 4: Trong tháng 10/2016, Thanh và Diên đến khu vực làng L, xã M bắt trộm của bà Rơ Lan P 01 con heo cái, lưng màu đen, bụng màu trắng, nặng 48kg. Trước đó Dương Văn T có hứa hẹn trước nếu D trộm cắp được heo thì mang bán cho T để làm thịt ăn, do vậy D đã mang đến bán cho T được 1.900.000 đồng. Hội đồng định giá tài sản đã kết luận con heo trên có giá trị là 2.016.000 đồng.

Vụ thứ 5: Chiều ngày 19/10/2016, T và D đến khu vực làng T, xã K bắt trộm của bà Rơ Châm B 01 con heo cái, lưng màu đen, bụng màu trắng, nặng 46kg. Sau khi trộm cắp, D mang đến bán cho anh Trần Ngọc T được 1.350.000 đồng. Anh T biết con heo này là do D trộm cắp mà có nhưng vẫn đồng ý mua để làm thịt ăn. Hội đồng định giá tài sản đã kết luận con heo trên có giá trị là 1.932.000 đồng.

Vụ thứ 6: Trong tháng 10/2016, T và D đến khu vực làng D, xã M bắt trộm của bà Rơ Châm P 01 con heo cái, lưng màu đen, bụng màu trắng, nặng 58kg. Con heo này T mang về nhà làm thịt ăn. Hội đồng định giá tài sản đã kết luận con heo trên có giá trị là 2.436.000 đồng.

Vụ thứ 7: Trong tháng 10/2016, T và D đến khu vực làng D, xã M bắt trộm của chị Ksor B 01 con heo cái, lưng màu đen, bụng màu trắng, nặng 80kg. Sau khi trộm cắp, D bán cho Hà Văn H để làm thịt ăn được 3.200.000 đồng. Hội đồng định giá tài sản đã kết luận con heo trên có giá trị là 3.360.000 đồng.

Vụ thứ 8: Trong tháng 10/2016, T và D đến khu vực làng D, xã M bắt trộm của ông Ksor P 01 con heo cái, đầu màu trắng, lưng màu đen, hai bên hông màu trắng, đang có chữa, nặng 50kg. Sau khi trộm cắp, D bán cho Dương Văn T để làm thịt ăn được 2.000.000 đồng. Hội đồng định giá tài sản đã kết luận con heo trên có giá trị là 2.100.000 đồng.

Vụ thứ 9: Ngày 28/10/2016, T và D đến khu vực làng L, xã N bắt trộm của ông Ksor T 01 con heo cái, đầu màu trắng, lưng màu trắng, nặng 48kg. Sau khi trộm cắp, D khai bán cho ông Nguyễn T được 1.900.000 đồng. Tuy nhiên, ông T không thừa nhận và chưa có đủ căn cứ để khẳng định ông T mua con heo này. Hội đồng định giá tài sản đã kết luận con heo trên có giá trị là 2.016.000 đồng.

Vụ thứ 10: Trong ngày 01/11/2016, sau khi bị bị tổ tuần tra của Công an xã K phát hiện, T và D ném bao đựng heo và bỏ chạy thì T và D tiếp tục đi bắt trộm của anh Rơ Mah U 01 con heo đực, lông màu đen, bụng màu trắng, nặng 30kg. T mang con heo này về nhà làm thịt. Hội đồng định giá tài sản đã kết luận con heo trên có giá trị là 1.260.000 đồng.

Vụ thứ 11: Trong tháng 10/2016, T và D đến khu vực làng M, xã P bắt trộm 01 con heo cái, lưng màu đen, bụng màu trắng, nặng 50kg, chưa xác định được chủ sở hữu. Sau khi trộm cắp, D bán cho Hà Văn H để làm thịt ăn được 2.000.000 đồng. Hội đồng định giá tài sản đã kết luận con heo trên có giá trị là 2.100.000 đồng.

Vụ thứ 12: Trong tháng 10/2016, T và D đến khu vực Cầu C1, làng L, xã M bắt trộm 02 con heo gồm 01 con heo cái, lưng màu đen, bụng màu trắng, nặng 30kg và 01 con heo nặng 45kg, chưa xác định được chủ sở hữu. Sau khi trộm cắp, T chở về nhà và chia tiền cho D. Hội đồng định giá tài sản đã kết luận con heo nặng 30kg có giá trị là 1.260.000 đồng, con heo nặng 45 kg có giá trị là 1.890.000 đồng.

Vụ thứ 13: Trong tháng 10/2016, T và D đến khu vực làng L, xã M bắt trộm 01 con heo cái, lưng màu đen, bụng màu trắng, nặng 30kg, chưa xác định được chủ sở hữu. Sau khi trộm cắp, D mang về nhà để làm thịt ăn. Hội đồng định giá tài sản đã kết luận con heo trên có giá trị là 1.260.000 đồng.

Vụ thứ 14: Trong tháng 10/2016, T và D đến khu vực làng D, xã K bắt trộm 01 con heo cái, lưng màu đen, bụng màu trắng, nặng 30kg, chưa xác định được chủ sở hữu. Sau khi trộm cắp, D khai bán cho ông Nguyễn T được 1.200.000 đồng. Tuy nhiên, ông T không thừa nhận và chưa có đủ căn cứ để khẳng định ông T mua con heo này. Hội đồng định giá tài sản đã kết luận con heo trên có giá trị là 1.260.000 đồng.

Bị cáo Hà Văn H, bị cáo Dương Văn T đều khai nhận có quen với bị cáo D và thường đi uống cà phê cùng nhau. Trong một lần uống cà phê, bị cáo D có nói về việc bị cáo D đi trộm cắp heo nên bị cáo H, bị cáo T dặn khi nào trộm cắp được thì bán cho vài con để làm thịt ăn. Sau khi trộm cắp thì bị cáo D đã mang đến bán cho bị cáo H 04 con heo có tổng trị giá là 10.080.000 đồng, bán cho bị cáo T 02 con heo có tổng trị giá là 4.116.000 đồng như đã nêu ở trên.

Đối với đối tượng Nguyễn Mạnh T đã bỏ trốn, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện G đã ra Quyết định truy nã, khi nào bắt được sẽ xử lý sau.

Đối với anh Trần Ngọc T là người mua của D 01 con heo có giá trị là 1.932.000 đồng, hành vi tiêu thụ tài sản của anh T chưa đủ định lượng để cấu thành tội phạm nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện G đã ra Quyết định xử lý hành chính bằng hình thức “Phạt tiền”.

Đối với ông Nguyễn T, bị cáo D khai đã bán cho ông Nguyễn T 02 con heo, tuy nhiên ông T không thừa nhận và chưa có đủ căn cứ để chứng minh tội phạm nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện G đã tách ra để tiếp tục điều tra, xử lý sau.

Đối với anh Phạm Công T, anh Lưu Trung K, anh Nguyễn Văn V đều là người tham gia góp tiền và chia thịt heo với bị cáo Dương Văn T, tuy nhiên họ đều không biết nguồn gốc là do bị cáo Tr mua heo trộm cắp của bị cáo D mà có nên hành vi này không cấu thành tội phạm.

Tại Cáo trạng số 22/CTr-VKS ngày 17/5/2017, Viện kiểm sát nhân dân huyện G truy tố các bị cáo Lê Văn D, Hà Văn H, Dương Văn T về tội: “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 138 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện G giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 138, điểm b, p khoản 1, khoản 2 Điều 46, điểm g khoản 1 Điều 48, Điều 20, Điều 33, Điều 53 của Bộ luật Hình sự, điểm x khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015 xử phạt bị cáo Lê Văn D từ 20 - 24 tháng tù; Áp dụng khoản 1 Điều 138, điểm b, p khoản 1, khoản 2 Điều 46, điểm g khoản 1 Điều 48, Điều 20, Điều 53, Điều 60 của Bộ luật Hình sự, điểm x khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015 xử phạt bị cáo Hà Văn H từ 10 - 12 tháng tù cho hưởng án treo; Áp dụng khoản 1 Điều 138, điểm b, p khoản 1 Điều 46, điểm g khoản 1 Điều 48, Điều 20, Điều 53, Điều 60 của Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo Dương Văn T từ 08 - 10 tháng tù cho hưởng án treo.

Về trách nhiệm dân sự:

Bị cáo Lê Văn D đã tác động chị Lê Thị T là vợ của bị cáo bồi thường cho anh Siu T 1.000.000 đồng và bồi thường cho bà Rơ Chăm P, ông Ksor P mỗi người 2.000.000 đồng, anh T, bà P và ông P đều không có yêu cầu gì khác nên không đề nghị Hội đồng xét xử xem xét; Bị cáo Hà Văn H đã bồi thường cho chị Ksor N, bà Siu S, chị Ksor B mỗi người 2.660.000 đồng, chị N, bà S và chị B đều không có yêu cầu gì khác nên không đề nghị Hội đồng xét xử xem xét; Bị cáo Dương Văn T đã bồi thường cho bà Rơ Lan P 1.000.000 đồng, bà P không có yêu cầu gì khác nên không đề nghị Hội đồng xét xử xem xét; Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Trần Ngọc T đã bồi thường cho bà Rơ Chăm B 2.800.000 đồng, bà B không có yêu cầu gì khác nên không đề nghị Hội đồng xét xử xem xét;

Tại phiên tòa bị cáo Lê Văn D và ông Ksor T thống nhất bị cáo có trách nhiệm bồi thường cho ông T con heo với số tiền là 2.016.000 đồng; Bị cáo Lê Văn D và anh Rơ Mah U thống nhất bị cáo có trách nhiệm bồi thường cho anh U con heo với số tiền là 1.260.000 đồng. Đây là sự tự nguyện của bị cáo và người bị hại nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận.

Đối với 05 con heo còn lại có tổng giá trị là 7.670.000 đồng, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện G đã ra Thông báo số 974/TB-CSĐT ngày 05/11/2016 nhưng đến nay vẫn không xác định được chủ sở hữu nên đề nghị Hội đồng xét xử truy thu của bị cáo Lê Văn D số tiền này để sung vào công quỹ Nhà nước. Bị cáo D khai cùng với Nguyễn Mạnh T thực hiện việc trộm cắp nhưng đến nay chưa bắt được T nên D phải chịu trách nhiệm nộp số tiền trên, sau này nếu bị cáo D có tranh chấp về số tiền phải nộp với T thì sẽ được xem xét bằng một vụ việc dân sự khác.

Đối với số tiền mà anh Trần Ngọc T, bị cáo Hà Văn H và bị cáo Dương Văn T đã bồi thường cho người bị hại, họ đều không yêu cầu bị cáo D phải trả lại. Đây là quyền tự định đoạt của họ nên không đề nghị Hội đồng xét xử xem xét.

Về xử lý vật chứng: Đối với 01 chiếc xe mô tô hiệu Yamaha Sirius, màu đỏ - đen, biển kiểm soát 81V1 089.82, số máy 5C64816359, số khung C640CY816358, 01 điện thoại di động hiệu Nokia 105 màu đen, 01 điện thoại di động hiệu OPPO màu trắng, số kiểu 1201, số Imei 861890039240090, 01 điện thoại di động hiệu Sam Sung E1200Y, màu trắng, 03 cái cân đồng hồ lò xo hiệu Nhơn Hòa, loại 100kg là vật dùng vào việc phạm tội và có giá trị sử dụng nên đề nghị Hội đồng xét xử tịch thu để sung vào công quỹ Nhà nước; Đối với 01 Sim số 0964695408, 01 bao tải màu xanh, 01 đoạn băng keo đen, 01 con dao bằng cán gỗ dài 11cm, lưỡi bằng kim loại dài 23cm, 01 con dao bằng cán gỗ dài 15cm, lưỡi bằng kim loại dài 27cm là vật dùng vào việc phạm tội và không có giá trị sử dụng nên đề nghị Hội đồng xét xử tịch thu để tiêu hủy; Đối với 01 điện thoại di động hiệu Nokia 1280, màu xanh - đen thu giữ của ông Nguyễn T để phục vụ điều tra, Cơ quan Cảnh sát Công an huyện G đã tách hành vi của ông Nguyễn T để tiếp tục điều tra nên đề nghị Hội đồng xét xử tiếp tục tạm giữ tại Cơ quan Cảnh sát Công an huyện G và sẽ giải quyết bằng vụ việc khác liên quan đến hành vi của ông Nguyễn T.

Các bị cáo nói lời nói sau cùng, đều đề nghị Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

[1] Tại phiên tòa, bị cáo Lê Văn D đã khai nhận toàn bộ hành vi cùng với Nguyễn Mạnh T lén lút sử dụng chiếc xe mô tô của D để đi lại tìm heo của người địa phương thả rông trên địa bàn các xã M, K, T, sử dụng kích điện (Súng điện) tự chế bắn cho con heo ngất xỉu rồi dùng băng keo đen trói chân và miệng lại rồi bỏ vào bao tải mang đi tiêu thụ, bị cáo đã tham gia trộm cắp 15 lần, được 16 con heo có giá trị là 32.970.000 đồng. Bản thân bị cáo D tham gia trộm cắp 15 lần nhưng bị cáo có nghề chính là làm nông và đây là nguồn sống chính của gia đình bị cáo, bị cáo chỉ thực hiện việc trộm cắp heo thường vào thời gian lúc rạng sáng để lấy tiền tiêu xài cá nhân; Bị cáo Hà Văn H, Dương Văn T đều công nhận tuy không tham gia thực hiện hành vi trộm cắp nhưng đã hứa hẹn từ trước việc tiêu thụ heo do D trộm cắp mà có, bị cáo H công nhận đã mua 04 con heo có tổng giá trị là 10.080.000 đồng, bị cáo T công nhận đã mua 02 con heo có tổng giá trị là 4.116.000 đồng như Cáo trạng của Viện kiểm sát đã nêu.

[2] Lời khai của các bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của người bị hại, người làm chứng, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, phù hợp với các chứng cứ tài liệu đã được thu thập có trong hồ sơ vụ án. Như vậy, có đủ căn cứ kết luận hành vi của bị cáo Lê Văn D, Hà Văn H, Dương Văn T đã phạm vào tội: “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 138 của Bộ luật Hình sự. Do đó, Viện kiểm sát nhân dân huyện G truy tố các bị cáo theo tội danh nêu trên là có căn cứ, đúng người, đúng tội.

[3] Trong quá trình Điều tra, truy tố, xét xử, Điều tra viên, Kiểm sát viên, đều đã chấp hành đúng các quy định của pháp luật.

[4] Hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã trực tiếp xâm phạm một cách bất hợp pháp đến tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ, làm mất trật tự trị an xã hội, gây bức xúc cho nhân dân trên địa bàn.

[5] Đây là vụ án có nhiều người tham gia nhưng chỉ ở mức đồng phạm giản đơn. Các bị cáo thực hiện tội phạm với tính chất và mức độ nguy hiểm cho xã hội khác nhau nên cần xem xét để quyết định hình phạt là cần thiết.

[6] Đối với bị cáo Lê Văn D là người trực tiếp tham gia thực hiện hành vi trộm cắp 15 lần với giá trị tài sản chiếm đoạt là 32.970.000đ (Ba mươi hai triệu chín trăm bảy mươi nghìn đồng). Bản thân bị cáo là người có nhân thân không tốt, ngày 08/02/2007 bị Tòa án nhân dân huyện G xử phạt 12 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”, đến ngày 29/8/2007 chấp hành xong hình phạt, ngày 04/11/2016 mới chấp hành xong toàn bộ Bản án, chưa được xóa án tích nhưng không lấy đó làm bài học để tu dưỡng, rèn luyện bản thân mà lại tiếp tục tham gia phạm tội. Bị cáo tham gia thực hiện trộm cắp 15 lần, trong đó có 10 lần đủ định lượng cấu thành tội phạm, đây là tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự “Phạm tội nhiều lần” và “Tái phạm” đều được quy định tại điểm g khoản 1 Điều 48 của Bộ luật Hình sự. Do vậy, cần phải xử

phạt tù tiếp tục cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội thời gian đủ dài để bị cáo có điều kiện được tiếp tục giáo dục, cải tạo thành người công dân có ích cho gia đình và xã hội.

[7] Đối với bị cáo Hà Văn H, tuy không trực tiếp tham gia việc trộm cắp heo nhưng đã hứa hẹn tiêu thụ heo do D trộm cắp nên là đồng phạm với vai trò là người giúp sức, bị cáo đã thực hiện hành vi mua heo của D 04 lần, đều đủ định lượng cấu thành tội phạm, đây là tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự “Phạm tội nhiều lần” được quy định tại điểm g khoản 1 Điều 48 của Bộ luật Hình sự. Do vậy cũng cần xử phạt nghiêm để răn đe, giáo dục đối với bị cáo và phòng ngừa chung.

[8] Đối với bị cáo Dương Văn T, tuy cũng không trực tiếp tham gia việc trộm cắp heo nhưng đã hứa hẹn tiêu thụ heo do D trộm cắp nên là đồng phạm với vai trò là người giúp sức, bị cáo đã thực hiện hành vi mua heo của D 02 lần, đều đủ định lượng cấu thành tội phạm, đây là tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự “Phạm tội nhiều lần” được quy định tại điểm g khoản 1 Điều 48 của Bộ luật Hình sự. Do vậy cũng cần xử phạt nghiêm để răn đe, giáo dục đối với bị cáo và phòng ngừa chung.

[9] Tuy nhiên, khi quyết định hình phạt cũng cần xem xét các bị cáo Lê Văn D, Hà Văn H, Dương Văn T sau khi phạm tội cũng đều đã thành khẩn khai báo thể hiện sự ăn năn hối cải, đều đã kịp thời bồi thường cho người bị hại để khắc phục phần nào hậu quả do tội phạm gây ra. Đây là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự chung cho các bị cáo được quy định tại điểm b, p khoản 1 Điều 46 của Bộ luật Hình sự. Đồng thời bị cáo Hà Văn H và Dương Văn T đều là người có nhân thân tốt, lần đầu phạm tội, đều đã tham gia thực hiện xong nghĩa vụ quân sự và ra quân, hoàn cảnh có nhiều khó khăn đặc biệt do con đều còn nhỏ, các bị cáo đều là lao động chính trong gia đình, tại phiên tòa có người bị hại xin giảm nhẹ hình phạt, các bị cáo mua heo mục đích chỉ để làm thịt ăn chứ không nhằm mục đích bán kiếm lời, đây là những tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự chung được quy định tại khoản 2 Điều 46 của Bộ luật Hình sự. Ngoài ra bị cáo Hà Văn H có cha là thương binh và có công với cách mạng, bị cáo Lê Văn D có cha mẹ là người có công với cách mạng là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự mới được quy định tại điểm x khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự năm 2015. Do vậy, Hội đồng xét xử cần nhắc nếu buộc bị cáo H và T phải chấp hành hình phạt tù thì gia đình sẽ gặp khó khăn đặc biệt nên cũng cần tạo cho bị cáo cơ hội để sửa chữa sai lầm của bản thân mà xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt cho các bị cáo, chỉ cần xử phạt tù cho hưởng án treo cũng đủ tác dụng răn đe giáo dục đối với các bị cáo, đồng thời thể hiện sự khoan hồng của pháp luật.

[10] Đối với đối tượng Nguyễn Mạnh T đã bỏ trốn, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện G đã ra Quyết định truy nã, khi nào bắt được sẽ xử lý sau là đúng quy định của pháp luật.

[11] Đối với anh Trần Ngọc T là người mua của D 01 con heo có giá trị 1.932.000 đồng, hành vi tiêu thụ tài sản của anh T chưa đủ định lượng để cấu thành tội phạm nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện G đã ra Quyết định xử lý hành chính bằng hình thức “Phạt tiền” là đúng quy định của pháp luật.

[12] Đối với ông Nguyễn T, bị cáo D khai đã bán cho ông Nguyễn T 02 con heo, tuy nhiên ông T không thừa nhận và chưa có đủ căn cứ để chứng minh tội phạm nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện G đã tách ra để tiếp tục điều tra, xử lý sau là đúng quy định của pháp luật.

[13] Đối với anh Phạm Công T, anh Lưu Trung K, anh Nguyễn Văn V đều là người tham gia góp tiền và chia thịt heo với bị cáo Dương Văn T, tuy nhiên họ đều không biết nguồn gốc là do bị cáo T mua heo trộm cắp của bị cáo D mà có nên hành vi này không cấu thành tội phạm.

[14] Về trách nhiệm dân sự: Bị cáo Lê Văn D đã tác động chị Lê Thị T là vợ của bị cáo bồi thường cho anh Siu T 1.000.000 đồng và bồi thường cho bà Rơ Chăm P, ông Ksor Pc mỗi người 2.000.000 đồng, anh T, bà P và ông P đều không có yêu cầu gì khác nên Hội đồng xét xử không xem xét; Bị cáo Hà Văn H đã bồi thường cho chị Ksor N, bà Siu S, chị Ksor B mỗi người 2.660.000 đồng, chị N, bà S và chị B đều không có yêu cầu gì khác nên Hội đồng xét xử không xem xét; Bị cáo Dương Văn T đã bồi thường cho bà Rơ Lan P 1.000.000 đồng, bà P không có yêu cầu gì khác nên Hội đồng xét xử không xem xét; Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Trần Ngọc T đã bồi thường cho bà Rơ Chăm B 2.800.000 đồng, bà B không có yêu cầu gì khác nên Hội đồng xét xử không xem xét; Tại phiên tòa bị cáo Lê Văn D và ông Ksor T thống nhất bị cáo có trách nhiệm bồi thường cho ông T con heo với số tiền là 2.016.000 đồng. Bị cáo Lê Văn D và anh Rơ Mah U thống nhất bị cáo có trách nhiệm bồi thường cho anh U con heo với số tiền là 1.260.000 đồng. Đây là sự tự nguyện bồi thường giữa các bên nên Hội đồng xét xử chấp nhận; Đối với 05 con heo còn lại có tổng giá trị là 7.670.000 đồng, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện G đã ra Thông báo số 974/TB-CSĐT ngày 05/11/2016 nhưng đến nay vẫn không xác định được chủ sở hữu nên Hội đồng xét xử truy thu của bị cáo Lê Văn D số tiền này để sung vào công quỹ Nhà nước. Bị cáo D khai cùng với Nguyễn Mạnh T thực hiện việc trộm cắp nhưng đến nay chưa bắt được T nên D phải chịu trách nhiệm nộp số tiền trên, sau này nếu bị cáo D có tranh chấp về số tiền phải nộp với T thì sẽ được xem xét bằng một vụ việc dân sự khác; Đối với số tiền mà anh Trần Ngọc T, bị cáo Hà Văn H và bị cáo Dương Văn T đã bồi thường cho người bị hại, họ đều không yêu cầu bị cáo D phải trả lại số tiền này. Đây là quyền tự định đoạt của họ nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[15] Về xử lý vật chứng: Đối với 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu Yamaha Sirius, màu đỏ - đen, biển kiểm soát 81V1 089.82, số máy 5C64816359, số khung C640CY816358, 01 điện thoại di động hiệu Nokia 105 màu đen, 01 điện thoại di động hiệu OPPO màu trắng, số kiểu 1201, số Imei 861890039240090, 01 điện thoại di động hiệu Sam Sung E1200Y, màu trắng, 03 cái cân đồng hồ lò xo hiệu Nhơn Hòa, loại 100kg là vật dùng vào việc phạm tội và có giá trị sử dụng nên Hội đồng xét xử tịch thu để sung vào công quỹ Nhà nước; Đối với 01 Sim số 0964695408, 01 bao tải màu xanh, 01 đoạn băng keo đen, 01 con dao bằng cán gỗ dài 11cm, lưỡi

bằng kim loại dài 23cm, 01 con dao bằng cán gỗ dài 15cm, lưỡi bằng kim loại dài 27cm là vật dùng vào việc phạm tội và không có giá trị sử dụng nên Hội đồng xét xử tịch thu để tiêu hủy; Đối với 01 điện thoại di động hiệu Nokia 1280, màu xanh – đen thu giữ của ông Nguyễn T để phục vụ điều tra, Cơ quan Cảnh sát Công an huyện G đã tách hành vi của ông Nguyễn T để tiếp tục điều tra nên Hội đồng xét xử không xem xét mà giao Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện G tiếp tục tạm giữ và sẽ giải quyết bằng vụ việc khác liên quan đến việc xử lý hành vi của ông Nguyễn T.

[16] Về án phí: Các bị cáo phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố bị cáo Lê Văn D, Hà Văn H, Dương Văn T phạm tội: “Trộm cắp tài sản”.

- Áp dụng khoản 1 Điều 138, điểm b, p khoản 1, khoản 2 Điều 46, điểm g khoản 1 Điều 48, Điều 53 của Bộ luật Hình sự, điểm x khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự năm 2015, Nghị quyết 109/2015/QH13 ngày 27/11/2015 của Quốc Hội về thi hành Bộ luật Hình sự; Nghị quyết 144/2016/QH13 ngày 29/6/2016 của Quốc Hội về việc lùi thời hiệu thi hành Bộ luật Hình sự năm 2015, xử phạt bị cáo Lê Văn D 18 (Mười tám) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt tạm giam (Ngày 02/11/2016).

- Áp dụng khoản 1 Điều 138, điểm b, p khoản 1, khoản 2 Điều 46, điểm g khoản 1 Điều 48, Điều 53, Điều 60 của Bộ luật Hình sự, điểm x khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự năm 2015, Nghị quyết 109/2015/QH13 ngày 27/11/2015 của Quốc Hội về thi hành Bộ luật Hình sự; Nghị quyết 144/2016/QH13 ngày 29/6/2016 của Quốc Hội về việc lùi thời hiệu thi hành Bộ luật Hình sự năm 2015, xử phạt bị cáo Hà Văn H 10 (Mười) tháng tù cho hưởng án treo thời gian thử thách là 20 (Hai mươi) tháng tính từ ngày tuyên án (Ngày 29/6/2017).

- Áp dụng khoản 1 Điều 138, điểm b, p khoản 1, khoản 2 Điều 46, điểm g khoản 1 Điều 48, Điều 53, Điều 60 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Dương Văn T 06 (Sáu) tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 12 (Mười hai) tháng tính từ ngày tuyên án (Ngày 29/6/2017).

Giao bị cáo Hà Văn H, Dương Văn T về cho UBND xã K, huyện G, tỉnh Gia Lai giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Trong trường hợp bị cáo Hà Văn H, Dương Văn T thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo khoản 1 Điều 69 Luật Thi hành án Hình sự.

- Áp dụng khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng hình sự, tiếp tục tạm giam bị cáo Lê Văn D để bảo đảm thi hành án.

- Áp dụng khoản 1 Điều 42 của Bộ luật Hình sự, khoản 1 Điều 585 của Bộ luật Dân sự năm 2015, buộc bị cáo Lê Văn D phải bồi thường cho ông Ksor T số tiền là 2.016.000 đồng (Hai triệu không trăm mười sáu nghìn đồng), bồi thường cho anh Rơ Mah U số tiền là 1.260.000 đồng (Một triệu hai trăm sáu mươi nghìn đồng).

Kể từ ngày Bản án có hiệu lực pháp luật (Đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra Quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu

cầu thi hành án của người được thi hành án (Đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất được quy định tại khoản 2 Điều 357 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

- Áp dụng điểm b khoản 1 Điều 41 của Bộ luật Hình sự, Điều 76 của Bộ luật Tố tụng hình sự, truy thu của bị cáo Lê Văn D giá trị của 05 con heo có tổng giá trị là 7.670.000 đồng (Bảy triệu sáu trăm bảy mươi nghìn đồng), để sung công quỹ Nhà nước. Sau này nếu bị cáo Lê Văn D có yêu cầu Nguyễn Mạnh T phải thanh toán lại phần của Nguyễn Mạnh T được hưởng thì sẽ được xem xét bằng vụ kiện dân sự khác; Tịch thu để sung vào công quỹ Nhà nước 01 chiếc xe mô tô hiệu Yamaha Sirius, màu đỏ - đen, biển kiểm soát 81V1 089.82, số máy 5C64816359, số khung C640CY816358, 01 điện thoại di động hiệu Nokia 105 màu đen, 01 điện thoại di động hiệu OPPO màu trắng, số kiểu 1201, số Imei 861890039240090, 01 điện thoại di động hiệu Sam Sung E1200Y, màu trắng, 03 cái cân đồng hồ lò xo hiệu Nhơn Hòa, loại 100kg; Tịch thu để tiêu hủy 01 Sim số 0964695408, 01 bao tải màu xanh, 01 đoạn băng keo đen, 01 con dao bằng cán gỗ dài 11cm, lưỡi bằng kim loại dài 23cm, 01 con dao bằng cán gỗ dài 15cm, lưỡi bằng kim loại dài 27cm (Theo Biên bản giao nhận vật chứng ngày 29/6/2017 giữa Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện G và Chi cục Thi hành án dân sự huyện G); Giao Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện G tiếp tục tạm giữ 01 điện thoại di động hiệu Nokia 1280, màu xanh – đen thu giữ của ông Nguyễn T để phục vụ điều tra và sẽ được giải quyết bằng vụ việc khác liên quan đến việc xử lý hành vi của ông Nguyễn T.

- Áp dụng Điều 99 Bộ luật Tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý, sử dụng án phí lệ, phí Tòa án, buộc các bị cáo Lê Văn D, Hà Văn H, Dương Văn T mỗi bị cáo phải nộp 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng) tiền án phí hình sự sơ thẩm; Buộc bị cáo Lê Văn D phải nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm để sung vào công quỹ Nhà nước.

Các bị cáo, Người bị hại, Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (29/6/2017). Đối với người vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo được tính kể từ ngày họ nhận được Bản án hoặc Bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

(Đã giải thích thủ tục, phạm vi kháng cáo và chế định án treo)

Nơi nhận:

- VKSND huyện G;
- Công an huyện G ;
- Bị cáo; Người bị hại;
- Người có QLNVLQ;
- UBND xã K;
- Lưu HSVA;
- Lưu THAHS,THADS;

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Lê Văn Đính